TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **31/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 16/6/2023
"V/v: Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 110/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về " Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị N, sinh năm 1964; ĐKHKTT & trú tại: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).
- **Bị đơn:** Ông Trần Xuân H (tên gọi khác Trần Văn H), sinh năm 1967; ĐKHKTT và trú tại: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị N trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà và ông Trần Xuân H (tên gọi khác Trần Văn H) về chung sống với nhau từ năm 1989 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, được 2 năm thì chuyển đến xóm 3, xã K; ông bà chỉ về ở với nhau không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn vào năm 2001; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có con chung. Khi bà nhận nuôi con nuôi nH1 không được sự đồng ý của ông H; hai bên xảy ra xô sát và ông H đã bỏ về xóm M, xã K sống ly thân; từ đó cho đến nay, hai bên không trao đổi, hòa giải quan tâm gì đến nhau nữa . Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ để chung sống với nhau được; bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng, để hai bên ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: bà xác định bà và ông H có 01 con nuôi là Phạm Tiến H1, sinh năm 2000 do bà nhận về nuôi năm 2001. Hiện con nuôi đã trưởng thành tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các bên đều có một số tài sản riêng nên đề nghị Tòa án xác định tài sản hiện nay ai đang quản lý sử dụng là tài sản riêng để tiện cho các giao dịch sau này.

Bị đơn ông Trần Xuân H (Trần Văn H) tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2023) trình bày ý:

Do ông không viết được nên yêu cầu Tòa án lấy lời khai của ông. Ông xác nhận ông và bà N có tổ chức cưới theo lối sống cũ năm 1989, ông không nhớ có đăng ký kết hôn hay không vì thời gian đã lâu; hai bên về chung sống với nhau tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình được 2 năm thì chuyển đến xóm 3, xã K sinh sống. Quá trình chung sống do ông và bà N không có con chung sau đó bà N tự ý nhận con nuôi trong khi không có sự đồng ý của ông; Do vậy, ông đã bỏ về xóm M, xã K, sinh sống từ năm 2001 cho tới nay. Nay bà N có yêu cầu giải quyết tuyên bố bà và ông không phải là vợ chồng ông nhất trí, yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: ông và bà N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà N không có tài sản chung. Do các bên đều có một số tài sản riêng nên đề nghị Tòa án xác định từ thời điểm 2023 trở về trước tài sản mang tên ai thì công nhận là tài sản riêng của người đó để tiện cho các giao dịch sau này.

Vì bận công việc nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà N giữ nguyên quan điểm khởi kiện, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của bà và ông H về thỏa thuận xác lập tài sản riêng làm cơ sở cho việc đăng ký sở hữu, giao dịch sau này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14:

Không công nhận là vợ chồng giữa bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (Trần Văn H)

Ghi nhận thỏa thuận giữa bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H về tài sản hiện ai đang quản lý sử dụng từ thời điểm năm 2023 trở về trước là tài sản riêng của người đó.

Bà N phải nộp án phí yêu cầu không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc không công nhận vợ chồng với ông Trần Xuân H, cư trú tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn ông Trần Xuân H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo bà Phạm Thị N trình bày bà và ông Trần Xuân H về chung sống với nhau từ năm 1989 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của ông bà phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có con chung; đến năm 2001, sau khi khi bà nhận nuôi con nuôi, ông H đã bỏ về xóm M, xã K sống ly thân cho đến nay, không quay về chung sống với nhau, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Về phía ông H cũng xác nhận vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1989, có cưới theo lối sống cũ, nH1 không nhớ có đăng ký kết hôn hay không. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bà N tự ý nhận con nuôi trong khi không có sự đồng ý của ông. Do vậy, ông đã về xóm M, xã K sống từ năm 2001 cho tới nay.

Căn cứ vào các chứng cứ do bà N cung cấp là đơn đề nghị đề ngày 12/5/2023 có xác nhận của UBND xã K là nơi bà N hiện cư trú; đơn đề nghị ngày 12/5/2023 có xác nhận của UBND xã K nơi ông H cư trú; đơn đề nghị ngày 12/5/2023 có xác nhận của UBND xã Q là quê gốc của hai ông bà đều xác nhận bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (Trần Văn H) không có đăng ký kết hôn tại UBND các xã Q, K, K.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (Trần Văn H) không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do mâu thuẫn trong cuộc sống chung nên đã không chung sống với nhau Nếu năm nay; yêu cầu không công nhận họ là vợ chồng của của bà N theo quy định tại điều 14 luật HNGĐ là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (Trần Văn H) đều xác định không có con chung; bà Phạm Thị N xác nhận có nhận nuôi con nuôi là Phạm Tiến H1, sinh năm 2000, hiện đã thành niên nên bà N cũng không có yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề này; vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[4] Về quan hệ tài sản : bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (Trần Văn H) đều xác định hai bên không tạo lập được tài sản chung trong thời gian chung sống như vợ chồng. Do các bên đều có một số tài sản riêng nên trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa đề nghị Tòa án ghi sự thỏa thuận của hai bên xác định từ thời điểm 2023 trở về trước tài sản mang tên ai thì công nhận là tài sản riêng của người đó. Thỏa thuận này của các đương sự nhằm chấm dứt ràng buộc pháp lý về mối quan hệ tài sản trong thời gian chung sống như vợ chồng; đồng thời làm căn cứ xác lập tài sản riêng cũng thuận tiện cho các giao dịch về tài sản sau này sau này. Do đó đề nghị ghi nhận này của các bên đương sự được chấp nhận

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc bà N phải nộp toàn bộ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận vợ chồng giữa bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (tên gọi khác Trần Văn H).

2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Phạm Thị N và ông Trần Xuân H (tên gọi khác Trần Văn H) về tài sản như sau: Tài sản ai đang quản lý sử dụng từ thời điểm 2023 trở về là tài sản riêng của người đó, có quyền sở hữu riêng.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 300.000đ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm nhưng1 được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4929 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K; UBND xã K;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh